

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-01-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lưu Xông Pha.

Ông Trần Hoàng Nghiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2021/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1986; cư trú tại khóm K, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lâm Thúy L, sinh năm 1987; cư trú tại khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Trần Văn T và quá trình tố tụng tại Tòa án anh T trình bày: Anh và chị Lâm Thúy L tự nguyện kết hôn vào ngày 25/01/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc nên tự sống riêng với nhau, do điều kiện không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị L.

Về con chung của anh và chị L có hai người tên Trần Huyền T, sinh ngày 02/10/2008 và Trần Bảo T, sinh ngày 02/10/2008, hiện đang ở cùng anh, sau khi ly hôn anh yêu cầu nuôi hai người con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Lâm Thúy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

Đối với hai người con chung của anh T và chị L đều xác định có nguyện vọng được ở cùng cha và mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của anh Trần Văn T được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Lâm Thúy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L được xác lập vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình anh T và chị L chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng và không tin tưởng lẫn nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, phía anh T cương quyết ly hôn trong khi đó chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt điều đó cho thấy bản thân chị L không có thiện chí hàn gắn. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh T và chị L có hai người con chung đang ở cùng anh T, sau khi ly hôn anh T yêu cầu nuôi con trong khi đó chị L vắng mặt và không có ý kiến gì phần con chung, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao hai người con cho chị L nuôi. Phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không đặt ra.

Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu về phân tài sản nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Anh Trần Văn T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, phần tạm ứng án phí anh T đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Văn T ly hôn với chị Lâm Thúy L.

Về con chung: Anh Trần Văn T nuôi hai người con đang ở cùng anh gồm Trần Huyền T, sinh ngày 02/10/2008 và Trần Bảo T, sinh ngày 02/10/2008, phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh T.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và anh T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch anh Trần Văn T phải chịu phải chịu 300.000 đồng, anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005058 ngày 18/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải